

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TẠI ĐÀ NẴNG Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **56/2019/HSPT**
Ngày: 28/02/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Ngọc Thông;
Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Tấn Long;
Bà Lê Thúy Cầu.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Vũ Thanh Thủy, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:
Ông Quách Đức Dũng, Kiểm sát viên.

Vào ngày 28 tháng 02 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 96/2019/TLPT-HS ngày 10 tháng 01 năm 2019 đối với bị cáo **Trần Thanh H** và **đồng phạm** về tội “*Cướp tài sản*”.

Do có kháng cáo của: Bị cáo Đinh Tiến V, Trương Quốc H2, Trần Thanh H, Nguyễn Văn Thành Đ, Nguyễn Lương B, Nguyễn Minh H1 và của người đại diện hợp pháp của các bị cáo Nguyễn Văn Thành Đ, Trần Thanh H, Nguyễn Minh H1 đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 87/2018/HS-ST ngày 30/11/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- Bi cáo có kháng cáo:

1. Trần Thanh H (Tý), sinh ngày 29/6/2001 tại Đà Nẵng; Nơi cư trú: số 74 Đường Đ3, phường H8, quận L2, TP Đà Nẵng; nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 8/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông Trần Thanh B1 và bà Nguyễn Thị Mỹ C (cả 02 đều còn sống); tiền án, tiền sự: chưa; bị cáo bị bắt tạm giam ngày 16/5/2018. Có mặt.

2. Nguyễn Văn Thành Đ, sinh ngày 17/6/2002 tại Quảng Nam; Nơi cư trú: Thôn B4, xã Đ4, huyện Đ5, tỉnh Quảng Nam; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 09/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con

ông Nguyễn Văn B2 và bà Lương Thị K (cả 02 đều còn sống); Tiền án, Tiền sự: chưa; bị cáo bị bắt tạm giam ngày 16/5/2018. Có mặt,

3. Nguyễn Minh H1, sinh ngày 10/4/2003 tại Đà Nẵng; Nơi cư trú: Tổ 155 cũ (tổ 72 mới), phường H9, quận L2, TP Đà Nẵng; Nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa; 0/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông Nguyễn Văn D và bà Nguyễn Thị D1 (cả 2 đều còn sống); tiền án, tiền sự: Chưa; bị cáo bị bắt tạm giam ngày 16/5/2018. Có mặt.

4. Trương Quốc H2, sinh ngày 28/02/2004 tại Quảng Trị; Nơi cư trú: Tổ 23, phường H8, quận L2, TP Đà Nẵng; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 8/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; con ông Trương Quốc B3 và bà Lê Thị Phương M (cả 02 đều còn sống); Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 06/8/2018 bị Tòa án nhân dân quận L2 xử phạt 18 tháng tù về tội “Cướp tài sản”. Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 16/5/2018. Có mặt.

5. Nguyễn Lương B, sinh ngày 10/10/2002 tại Đà Nẵng; Nơi cư trú: Tổ 60, phường H10, quận L2, TP Đà Nẵng; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 8/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông Nguyễn Lương N và bà Nguyễn Thị H4 (cả 02 đều còn sống); tiền án, tiền sự: Chưa. Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 16/5/2018. Có mặt.

6. Đinh Tiến V, sinh ngày 31/7/2002 tại Đà Nẵng; Nơi cư trú: Tổ 94, phường H9, quận L2, TP Đà Nẵng; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông Đinh Văn H3 và bà Trần Thị Thùy Th (cả 02 đều còn sống); Tiền án, Tiền sự: chưa. Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 16/5/2018. Có mặt.

- Người đại diện hợp pháp của các bị cáo:

+ Đại diện hợp pháp của bị cáo Trần Thanh H: ông **Trần Thanh B1**, sinh năm 1971 và bà **Nguyễn Thị Mỹ C**, sinh năm 1978 (là cha, mẹ bị cáo); cùng trú tại: Số 74 Đường Đ3, phường H8, quận L2, TP Đà Nẵng. Có mặt.

+ Đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Văn Thành Đ: Ông **Nguyễn Văn B2**, sinh năm 1962 và bà **Lương Thị K**, sinh năm 1969 (cha, mẹ bị cáo); cùng trú tại: Thôn B4, xã Đ4, huyện Đ5, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

+ Đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Minh H1: ông **Nguyễn Văn D** (cha bị cáo), trú tại: Phường Th2, quận H11, TP Đà Nẵng và bà **Nguyễn Thị D1**, sinh năm 1958 (mẹ bị cáo), trú tại: tổ 155 cũ (tổ 72 mới), phường H9, quận L2, TP Đà Nẵng, ông D vắng mặt, bà D1, có mặt.

+ Đại diện hợp pháp của bị cáo Trương Quốc H2: Ông **Trương Quốc B3**, sinh năm 1971 và bà **Lê Thị Phương M**, sinh năm 1978 (là cha, mẹ ruột bị cáo); Cùng trú tại: Tổ 23, phường H8, quận L2, TP Đà Nẵng. Có mặt.

+ Đại diện hợp pháp của bị cáo Đinh Tiến V: Ông **Đinh Văn H3**, sinh năm 1969 và bà **Trần Thị Thùy Th**, sinh năm 1974; cùng trú tại: Tổ 94, phường H9, quận L2, TP Đà Nẵng. Có mặt.

+ Đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Lương B: Ông **Nguyễn Lương N**, sinh năm 1974 và bà **Nguyễn Thị H4**, sinh năm 1976; cùng trú tại: tổ 60 cũ (tổ 21 mới), phường H10, quận L2, TP Đà Nẵng. Có mặt.

- Người bào chữa cho các bị cáo:

+ Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn Thành Đ và Đinh Tiến V theo yêu cầu của tòa án: Luật sư **Phạm Lý H5** – Đoàn luật sư thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

+ Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Minh H1 và Nguyễn Lương B theo yêu cầu của tòa án: Luật sư **Trần Xuân V1** – Đoàn luật sư thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

+ Người bào chữa cho bị cáo Trương Quốc H2 theo yêu cầu của tòa án: Luật sư **Nguyễn Thành Đ1** – Đoàn luật sư thành phố Đà Nẵng; Có mặt.

+ Người bào chữa cho bị cáo Trần Thanh H theo yêu cầu của tòa án: Luật sư **Lê Thị Hồng Th1** – Đoàn luật sư thành phố Đà Nẵng; Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong thời gian từ ngày 11/4/2018 đến ngày 15/5/2018, Trần Thanh H cùng đồng phạm đã dùng dao tấn công, uy hiếp, thực hiện 04 vụ cướp tài sản trên địa bàn TP Đà Nẵng, cụ thể như sau:

Vụ thứ 1: Khoảng 23 giờ ngày 11/4/2018, Trần Thanh H điều khiển xe Attila BKS: 43F1 -003.55 chở Nguyễn Văn Thành Đ, Nguyễn Minh H1 điều khiển xe Wave BKS: 43S1-5498 đi dọc tuyến đường V2, TP Đà Nẵng để cướp tài sản. Khi đến đoạn đường gần khách sạn G thì phát hiện thấy đôi nam nữ là anh Ngô Tấn Đ2 và chị Võ Thị Thu T1 đang dừng xe nói chuyện, cả bọn cho xe áp sát. Trần Thanh H và Nguyễn Văn Thành Đ dùng dao uy hiếp, khống chế cướp của Ngô Tấn Đ2 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng) và Võ Thị Thu T1 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng), Nguyễn Minh H1 đứng canh giới.

Tổng số tiền bị cướp là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng), Trần Thanh H, Nguyễn Minh H1 và Nguyễn Văn Thành Đ chia nhau tiêu xài hết.

Vụ thứ 2: Khoảng 21 giờ ngày 29/4/2018, Trần Thanh H đi xe Novou BKS: 43S5- 4832 chở Nguyễn Lương B và Nguyễn Thăng T; Nguyễn Minh H1 đi xe Wave màu xanh BKS 43S1- 5498 chở Võ Nhật T2; Nguyễn Văn Thành Đ đi xe Wave màu đỏ BKS: 43E1- 084.34 chở Trương Quốc H2 đi dọc các tuyến đường khu vực núi S để cướp tài sản. Khi đến ngã ba đường Yết Kiêu-HS thì phát hiện anh Huỳnh Văn Như D3 và chị Nguyễn Thị L1 (có quốc tịch: Hàn Quốc và Việt Nam) đang đi bộ gần xe ô tô, cả bọn áp sát. Trần Thanh H, Nguyễn Minh H1 và Nguyễn Văn Thành Đ dùng dao kê vào cổ anh D3 uy hiếp, khống chế, cả nhóm 7 đối tượng xông vào yêu cầu anh D3 và chị L1 có tài sản gì thì giao hết ra. Vì hoảng sợ nên anh D3 phải giao 01 điện thoại di động Iphone 6 plus, chị L1 phải giao 02 (Hai) vòng đeo tay, 01 (Một) vòng đeo cổ bằng vàng. Sau đó, cả bọn tiếp tục yêu cầu giao tài sản thì anh D3 đã đưa chìa khóa xe ô tô cho chị L1, Trần Thanh H dùng dao chỉ vào mặt chị L1 yêu cầu mở cửa xe ô tô, sau đó Trần Thanh H, Nguyễn Minh H1 và Nguyễn Thăng T dẫn chị L1 lại xe ô tô để mở cửa lấy 9.000.000đ giao cho Trần Thanh H. Trên đường tẩu thoát, Nguyễn Thăng T vứt điện thoại Iphone 6 plus ở nơi không xác định, Trần Thanh H làm rơi 01 vòng đeo tay. Trần Thanh H cùng Đ bán vòng đeo cổ và 01 vòng đeo tay còn lại được 5.000.000 đồng (không xác định được địa chỉ bán), rồi cả bọn chia nhau tiêu xài hết. Tài sản không thu hồi được.

Tại Kết luận định giá tài sản số 34 ngày 16/6/2018 của Hội đồng định giá trong TTHS quận S kết luận: Tổng giá trị tài sản gồm 02 vòng đeo tay trị giá 4.320.000 đồng; 01 vòng đeo cổ, trị giá 4.320.000 đồng; 01 điện thoại Iphone 6 plus (của anh D3) trị giá 4.500.000 đồng. Tổng trị giá tài sản bị chiếm đoạt trong vụ này là 22.140.000 đồng (Hai mươi hai triệu một trăm bốn mươi nghìn).

Vụ thứ 3: Khoảng 20 giờ ngày 14/5/2018, Trần Thanh H điều khiển xe máy Sirius BKS: 73D1-041.54 chở Nguyễn Văn Thành Đ; Đinh Tiến V điều khiển xe Nouvo BKS: 43R2- 1865 chở Võ Nhật T2; Nguyễn Minh H1 điều khiển xe Wave BKS: 43S1-5498 chở Trương Quốc H2 dạo quanh các tuyến đường trên núi S, TP Đà Nẵng để cướp tài sản. Khi đến cầu Bản, đường đi S Tịnh Viên thì phát hiện anh Lê Văn H6 và chị Trần Thị Thúy Nh đang đứng nói chuyện, cả bọn đã áp sát dùng xe máy chặn xe của anh H6 và chị Nh, Trương Quốc H2 và Võ Nhật T2 chỉ dao vào mặt anh H6 và chị Nh yêu cầu có tài sản gì thì giao hết ra, Võ Nhật T2 dùng tay đánh anh H6 nhưng anh H6 đỡ được và bỏ chạy, cả bọn đã khống chế, cướp của chị Trần Thị Thúy Nh 01 (Một) dây chuyền vàng và 200.000 đồng (Hai trăm nghìn). Số tiền có được cả bọn tiêu xài chung hết, Trần Thanh H mang dây chuyền vàng về đưa cho mẹ là bà Nguyễn Thị Mỹ C (Sinh năm: 1978, trú tại: Tổ 60B, phường H8, quận L2, TP Đà Nẵng). Sợi dây chuyền đã thu hồi trả lại cho người bị hại.

Tại Kết luận định giá tài sản số 174 ngày 15/10/2018 của Hội đồng định giá trong TTHS TP. Đà Nẵng kết luận: Giá trị 01 dây chuyền là 2.907.000 đồng (Hai

triệu chín trăm lẻ bảy nghìn). Tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt trong vụ này là: 3.107.000 đồng (Ba triệu một trăm lẻ bảy nghìn)

Vụ thứ 4: Khoảng 21 giờ ngày 15/5/2018, Trần Thanh H điều khiển xe Sirius BKS: 73DI-041.54 chở Nguyễn Văn Thành Đ; Nguyễn Minh H1 điều khiển xe Wave BKS: 43S1-5498 chở Võ Nhật T2 đi dọc các tuyến đường khu vực núi S để cướp tài sản. Khi đến ngã ba đường nhánh đi xuống khu biệt thự SĐ thì phát hiện anh Lê Văn H7 và chị Nguyễn Vũ Huyền Tr1 đang đứng nói chuyện, cả bọn áp sát. Trần Thanh H, Nguyễn Văn Thành Đ dùng dao kê vào cổ anh H7 và chị Tr1 uy hiếp, không chế yêu cầu anh H7 và chị Tr1 phải giao tài sản, các đối tượng còn lại đứng sát, chặn xe không cho anh H7 và chị Tr1 bỏ chạy. Anh H7 đưa cho Trần Thanh H 650.000 đồng, Trần Thanh H giật sợi dây chuyền trên cổ anh Lê Văn H7; sau khi chị Tr1 giao 01 (Một) vòng đeo tay bằng bạc cho Trần Thanh H, cả bọn yêu cầu anh Lê Văn H7 đưa chìa khóa để mở cốp xe máy nhưng anh H7 không thực hiện thì Võ Nhật T2 đã dùng tay đánh vào mặt anh Lê Văn H7, lúc này chị Tr1 hoảng sợ ngã xuống đất vờ co giật, cả bọn lên xe tẩu thoát khi đến kiệt đường Lê Đức Thọ, gần cafe “SĐ” thì bị Công an quận S bắt giữ.

Tại Kết luận định giá tài sản số 174 ngày 15/10/2018 của Hội đồng định giá trong TTHS TP Đà Nẵng kết luận: Tổng giá trị 01 dây chuyền, 01 vòng đeo tay bằng bạc là: 3.457.000 đồng (Ba triệu bốn trăm năm mươi bảy nghìn). Tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt trong vụ này là: 4.107.000 đồng (Bốn triệu một trăm lẻ bảy nghìn).

Tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt trong 04 vụ cướp nêu trên là: **31.354.000** đồng (Ba mươi một triệu ba trăm năm mươi bốn nghìn đồng).

Ngoài ra, quá trình điều tra các bị cáo còn khai nhận thực hiện 03 vụ cướp tài sản khác, nhưng Cơ quan điều tra chưa xác định được bị hại, gồm:

Vụ thứ 1: Khoảng 22 giờ 30 phút một ngày không xác định, khoảng đầu tháng 5/2018, Võ Nhật T2, Nguyễn Văn Thành Đ, Nguyễn Minh H1, Nguyễn Thăng T, Đinh Tiến V, Trần Nguyễn Quốc K1 (Sinh năm: 2001, trú tại: Tổ 65, phường H9, quận L2, TP Đà Nẵng) đi trên 03 xe mô tô đến đoạn đường vắng lên núi S, TP Đà Nẵng, dùng dao uy hiếp không chế một đôi nam nữ (Chưa xác định được lai lịch), cướp được khoảng 300.000 đồng (Ba trăm nghìn), chia nhau tiêu xài hết. Tài sản không thu hồi được.

Vụ thứ 2: Khoảng 21 giờ một ngày không xác định, đầu tháng 5/2018, Trần Thanh H, Nguyễn Minh H1, Nguyễn Văn Thành Đ, Võ Nhật T2 đi bộ đến đoạn đường vắng trên đường NTT, TP Đà Nẵng, cướp của một đôi nam nữ (Chưa xác định được lai lịch) số tiền khoảng 200.000 đồng (Hai trăm nghìn), 01 điện thoại di động OPPO, 01 dây chuyền, 01 đồng hồ nữ hiệu Diot. Cơ quan điều tra đã thu giữ 01 đồng hồ nữ hiệu Diot, những tài sản khác không thu hồi được.

Vụ thứ 3: Khoảng 21 giờ một ngày không xác định, đầu tháng 5/2018, Trần Thanh H, Nguyễn Minh H1, Nguyễn Văn Thành Đ đi trên 02 xe mô tô đến đoạn đường vắng trên đường NTT, TP Đà Nẵng, dùng dao uy hiếp không chế một đôi nam nữ (Chưa xác định được lai lịch), cướp được khoảng 300.000 đồng (Ba trăm nghìn) và 01 dây chuyền. Tài sản không thu hồi được.

Vật chứng tạm giữ:

- Tạm giữ của Trần Thanh H gồm: 01 xe mô tô Sirius BKS: 73D1 - 041.54; 01 dây chuyền kim loại màu vàng, dài khoảng 40 cm; 01 vòng đeo tay, kim loại màu trắng dài khoảng 15cm; 650.000 đồng (Sáu trăm năm mươi nghìn).

- Tạm giữ của Nguyễn Văn Thành Đ: 01 đồng hồ nữ nhãn hiệu DIOR, dây da màu nâu.

- Tạm giữ của Nguyễn Minh H1 01 xe mô tô BKS: 43S1- 5498 (BL 78).

- Tạm giữ của bà Nguyễn Thị Mỹ C 01 (Một) dây chuyền vàng (BL: 50).

- Tạm giữ của Đinh Tiến V 01 xe mô tô Nouvo BKS: 43R2- 1865 (BL: 49).

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 87/2018/HS-ST ngày 30/11/2018, Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng đã quyết định:

Tuyên bố các bị cáo Trần Thanh H, Nguyễn Văn Thành Đ, Nguyễn Minh H1, Trương Quốc H2, Đinh Tiến V, Nguyễn Lương B phạm tội **“Cướp tài sản”**.

Áp dụng: Điểm a, d khoản 2, Điều 168; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 91; khoản 1 Điều 101; khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017).

Xử phạt: **Trần Thanh H** 05 (năm) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt giam, ngày 16/5/2018.

Áp dụng: Điểm a, d khoản 2 Điều 168; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 91; khoản 2 Điều 101; khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017).

Xử phạt: **Nguyễn Văn Thành Đ** 04 (bốn) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt giam, ngày 16/5/2018.

Áp dụng: Điểm a, d khoản 2 Điều 168; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, r, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 91; khoản 2 Điều 101; khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017).

Xử phạt: **Nguyễn Minh H1** 04 (bốn) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt giam, ngày 16/5/2018.

Áp dụng: Điểm a, d khoản 2 Điều 168; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm r, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 91; khoản 2 Điều 101; khoản 1 Điều 54; Điều 56; Điều 104 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017).

Xử phạt: **Trương Quốc H2** 03 (ba) năm tù. Tổng hợp với hình phạt 18 (mười tám) tháng tù tại bản án hình sự sơ thẩm số 74/2018/HSST ngày 06/8/2018 của Tòa án nhân dân quận L2, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của cả 02 bản án là 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù, được trừ đi 03 ngày đã bị tạm giữ của bản án trước (*từ ngày 24/3/2018 đến ngày 26/3/2018*). Thời hạn tù còn lại bị cáo phải chấp hành là 04 (bốn) năm 05 (năm) tháng 27 (hai mươi bảy) ngày tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt giam, ngày 16/5/2018.

Áp dụng: Điểm a, d khoản 2 Điều 168; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 91; khoản 2 Điều 101; khoản 2 Điều 54 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017).

Xử phạt: **Nguyễn Lương B** 12 (mười hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt giam, ngày 16/5/2018.

Áp dụng: Điểm a, d khoản 2 Điều 168; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 91; khoản 2 Điều 101; khoản 2 Điều 54 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017).

Xử phạt: **Đinh Tiến V** 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt giam, ngày 16/5/2018.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí, quyền kháng cáo và thi hành án theo quy định của pháp luật.

Ngày 04/12/2018 bị cáo Đinh Tiến V có Đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 08/12/2018 bị cáo Trương Quốc H2 có Đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 09/12/2018 bị cáo Trần Thanh H và Nguyễn Văn Thành Đ có Đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 12/12/2018 bị cáo Nguyễn Lương B có Đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 13/12/2018 bị cáo Nguyễn Minh H1 có Đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 11/12/2018 đại diện hợp pháp bị cáo Nguyễn Văn Thành Đ và Trần Thanh H có Đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Ngày 13/12/2018 đại diện hợp pháp bị cáo Nguyễn Minh H1 có Đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại phiên toà phúc thẩm hôm nay:

Các bị cáo Trần Thanh H, Nguyễn Văn Thành Đ, Nguyễn Minh H1, Trương Quốc H2, Nguyễn Lương B vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; bị cáo Đinh Tiến V có Đơn xin rút kháng cáo.

Ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng:

Về hành vi phạm tội của các bị cáo đã rõ. Các bị cáo Trần Thanh H, Nguyễn Văn Thành Đ và Nguyễn Lương B kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng không có tình tiết giảm nhẹ nào mới, mức hình phạt của các bị cáo là phù hợp, không nặng nên không có cơ sở để chấp nhận. Đối với bị cáo Trương Quốc H2 sau khi xét xử sơ thẩm có nộp tiền để khắc phục toàn bộ số tiền phải bồi thường; tuy nhiên, xét về mức hình phạt của bị cáo là phù hợp nên không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo. Đối với bị cáo Nguyễn Minh H1 vai trò phạm tội đứng sau bị cáo Đ, Toà án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo cùng 04 năm tù là có phần nghiêm khắc, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo giảm cho bị cáo một phần hình phạt.

Trong vụ án này, Toà án cấp sơ thẩm áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự là phạm tội nhiều lần đối với các bị cáo Nguyễn Thăng T, Nguyễn Lương B và Đinh Tiến V là không đúng. Bởi vì các bị cáo chỉ tham gia cướp có 01 lần. Tuy nhiên, mức hình phạt Toà án cấp sơ thẩm xử phạt các bị cáo là phù hợp nên không xem xét nhưng cần sửa án sơ thẩm, không áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự này.

Ý kiến của các Luật sư Lê Thị Hồng Th1 bào chữa cho bị cáo Trần Thanh H; Luật sư Trần Xuân V1 bào chữa cho các bị cáo Nguyễn Minh H1, Nguyễn Lương B; Luật sư Phạm Lý H5 bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn Thành Đ, Đinh Tiến V và Luật sư Nguyễn Thành Đ1 bào chữa cho bị cáo Trương Quốc H2 đều cho rằng: Các bị cáo phạm tội mang tính chất giản đơn, bộc phát nên không phạm vào tình tiết định khung là “*Có tổ chức*” và có nhiều tình tiết giảm nhẹ được qui định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự và bị cáo là người chưa thành niên nên đề nghị Hội đồng xét xử giảm cho bị cáo một phần hình phạt. Riêng Luật sư V1 đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo B được hưởng án treo.

Các bị cáo và đại diện hợp pháp của các bị cáo đều thống nhất như ý kiến của các Luật sư.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Xét yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng khác và các tài liệu chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án. Do đó, có đủ cơ sở để kết luận: Trong khoảng thời gian từ ngày 11/4/2018 đến ngày 15/5/2018, Trần Thanh H đã cùng các đồng phạm Nguyễn Văn Thành Đ, Nguyễn Minh H1, Trương Quốc H2, Đinh Tiến V, Nguyễn Lương B, bàn bạc, cấu kết chặt chẽ với nhau; chuẩn bị công cụ, phương tiện (xe mô tô, dao); lựa chọn thời điểm lúc trời tối, đêm khuya; đến các địa điểm vắng người qua lại như: Đường lên núi S, đường HS... dùng dao là hung khí nguy hiểm uy hiếp, tấn công, thực hiện 04 vụ cướp tài sản của nhiều người bị hại, chiếm đoạt tài sản với tổng trị giá **31.354.000** đồng. Hành vi của các bị cáo Trần Thanh H, Nguyễn Văn Thành Đ, Nguyễn Minh H1, Võ Nhật T2, Trương Quốc H2, Đinh Tiến V, Nguyễn Lương B đã phạm vào tội “*Cướp tài sản*” với các tình tiết định khung “*Có tổ chức*”, “*Sử dụng vũ khí, phương tiện hoặc thủ đoạn nguy hiểm khác*” theo quy định tại điểm a, d khoản 2 Điều 168 của Bộ luật Hình sự.

[2] Xét tính chất vụ án, mức độ và hậu quả do hành vi phạm tội của các bị cáo thì thấy: Đây là vụ án có tính chất rất nghiêm trọng; hành vi của các bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, gây mất trật tự trị an xã hội, nên cần phải xử phạt nghiêm để giáo dục riêng đối với các bị cáo và răn đe phòng ngừa chung trong xã hội.

[3] Xét về vai trò của và mức độ tham gia của các bị cáo trong vụ án thì thấy:

[4] Bị cáo Trần Thanh H là người cầm đầu, chủ mưu, tham gia cả 04 vụ, chiếm đoạt tài sản với tổng trị giá **31.354.000** đồng. Trong đó, bị cáo là người rủ rê khởi xướng 02 vụ, 02 vụ còn lại mặc dù không ai khởi xướng, rủ rê nhưng khi cả bọn tụ tập thì các bị cáo đã ngầm hiểu với nhau tự chuẩn bị công cụ, phương tiện rồi cùng nhau đi cướp tài sản như đã bàn bạc ở các vụ trước. Bị cáo Trần Thanh H cũng là người thực hành rất tích cực, bị cáo điều khiển xe chở đồng bọn đi cướp tài sản, khi phát hiện bị hại bị cáo là người dùng dao chỉ mặt, kẻ vào cổ uy hiếp khống chế bị hại để cướp tài sản. Sau khi cướp được tài sản bị cáo Trần Thanh H cùng bị cáo Nguyễn Văn Thành Đ là người quyết định việc bán tài sản chiếm đoạt được và quyết định việc ăn chia.

[5] Bị cáo Nguyễn Văn Thành Đ, Nguyễn Minh H1 là người thực hành tích cực, giữ vai trò chính chỉ xếp sau bị cáo Trần Thanh H. Các bị cáo Đ, Minh H1 cùng

với bị cáo Trần Thanh H tham gia cả 04 vụ, chiếm đoạt tài sản với tổng trị giá **31.354.000** đồng. Bị cáo Đ, Minh H1 là người trực tiếp sử dụng dao uy hiếp, tấn công bị hại để cướp tài sản. Bị cáo Đ cùng với bị cáo Trần Thanh H là người quyết định việc bán tài sản và phân chia tài sản chiếm đoạt được cho đồng bọn.

[6] Bị cáo Trương Quốc H2 tham gia với vai trò đồng phạm là những người thực hành tích cực. Bị cáo tham gia 02 vụ, trong đó có 01 vụ bị cáo trực tiếp dùng dao uy hiếp bị hại để cướp tài sản, còn 01 vụ tham gia với vai trò đồng phạm giúp sức hỗ trợ cho đồng bọn.

[7] Bị cáo Nguyễn Lương B tham gia với vai trò đồng phạm, bị cáo B tham gia 01 vụ, chiếm đoạt tài sản với tổng trị giá 22.140.000 đồng.

[8] Tòa án cấp sơ thẩm khi quyết định hình phạt đã căn cứ vào tính chất vụ án, mức độ và hậu quả do hành vi phạm tội của các bị cáo và áp dụng đầy đủ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ đối với từng bị cáo như:

[9] Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo Trần Thanh H, Nguyễn Văn Thành Đ, Nguyễn Minh H1, Trương Quốc H2 phạm tội thuộc tình tiết tăng nặng “*Phạm tội từ 02 lần trở lên*” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo Trương Quốc H2 có nhân thân xấu; ngoài phạm tội ở vụ án này còn bị Tòa án nhân dân quận L2 xét xử về tội “*Cướp tài sản*”, Bản án của Tòa án nhân dân quận L2 xử phạt các bị cáo Quốc H2 đã có hiệu lực pháp luật, do đó cần tổng hợp hình phạt đối với bị cáo.

Đối với ý kiến của Kiểm sát viên về vấn đề Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự là phạm tội nhiều lần đối với các bị cáo Nguyễn Thăng T, Nguyễn Lương B và Đinh Tiến V là không đúng; với lý do các bị cáo chỉ tham gia cướp có 01 lần là có căn cứ, cần chấp nhận. Tuy nhiên, mức hình phạt Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt các bị cáo là phù hợp nên không xem xét; đồng thời bị cáo Tiến không kháng cáo và bị cáo V đã rút yêu cầu kháng cáo nhưng cần sửa án sơ thẩm, không áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự này.

[10] Về tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo đều khai báo thành khẩn, tỏ thái độ ăn năn hối cải, các bị cáo Trần Thanh H, Nguyễn Văn Thành Đ, Nguyễn Minh H1, Trương Quốc H2 sau khi bị bắt đã tự nguyện khai ra những lần phạm tội trước đó. Các bị cáo Trần Thanh H, Đ, Nguyễn Minh H1 đã tác động gia đình nộp bồi thường khắc phục hậu quả cho người bị hại. Khi phạm tội đều chưa đủ 18 tuổi nên nhận thức pháp luật còn hạn chế; hoàn cảnh kinh tế gia đình các bị cáo đều khó khăn; Gia đình bị cáo B, Thanh H có công cách mạng đã áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b (*trừ bị cáo Quốc H2*), r (*trừ bị cáo B*), s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự và đường lối xử lý đối với người dưới 18 tuổi phạm tội quy định

tại Điều 91, 101 của Bộ luật Hình sự cho các bị cáo; đồng thời, áp dụng thêm Điều 54 của Bộ luật Hình sự đã xử phạt các bị cáo mức án dưới mức thấp nhất của khung hình phạt: Bị cáo Thanh H 05 năm tù; bị cáo Đ, Minh H1 đều 04 năm tù; bị cáo Quốc H2 03 năm tù; bị cáo B 12 tháng tù và bị cáo V 09 tháng tù.

[11] Trước khi mở phiên toà xét xử phúc thẩm bị cáo Đinh Tiến V đã chấp hành xong hình phạt nên được trả tự do, đã có Đơn xin rút kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt nên Hội đồng xét xử không xem xét và đình chỉ xét xử phúc thẩm theo qui định của pháp luật.

[12] Đối với các bị cáo Trần Thanh H, Nguyễn Văn Thành Đ, và Nguyễn Lương B vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo nhưng không có tình tiết giảm nhẹ nào mới nên không có căn cứ để xem xét giảm nhẹ thêm hình phạt cho các bị cáo. Đối với các bị cáo: Nguyễn Minh H1, xét về tính chất, vai trò của bị cáo đứng sau bị cáo Đ; do đó, mức án 04 năm tù là có phần nghiêm khắc; đối với bị cáo Trương Quốc H2 tại phiên toà phúc thẩm gia đình bị cáo cung cấp cho Hội đồng xét xử Biên lai thu tiền số 0000652 (ngày tháng năm ghi không rõ) số tiền 3.662.857đồng để khắc phục toàn bộ hậu quả và nộp tiền án phí, xét thấy đây là tình tiết giảm nhẹ mới cần xem xét giảm cho bị cáo một phần hình phạt để các bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật, yên tâm cải tạo tốt sớm hoà nhập với cộng đồng và làm một người công dân có ích cho xã hội.

[13] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các bị cáo Trần Thanh H, Nguyễn Văn Thành Đ, và Nguyễn Lương B, giữ nguyên phần hình phạt của Bản án hình sự sơ thẩm đối với các bị cáo; chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Minh H1 và Trương Quốc H2, sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm về phần hình phạt.

[14] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên các bị cáo Trần Thanh H, Nguyễn Văn Thành Đ, và Nguyễn Lương B phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo qui định của pháp luật; các bị cáo Nguyễn Minh H1 và Trương Quốc H2 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[15]. Các quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a, b và đ khoản 1 Điều 355; Điều 356 và 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với bị cáo Đinh Tiến V; Bản án hình sự sơ thẩm số 87/2018/HS-ST ngày 30/11/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng có hiệu lực pháp luật đối với phần bị cáo V.

2. Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Trần Thanh H, Nguyễn Văn Thành Đ và Nguyễn Lương B, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 87/2018/HS-ST ngày 30/11/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng đối với các bị cáo.

Áp dụng: Điểm a, d khoản 2 Điều 168; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, r, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 91; khoản 1 Điều 101; khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017).

Xử phạt: **Trần Thanh H** 05 (năm) năm tù về tội “*Cướp tài sản*”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt giam, ngày 16/5/2018.

Áp dụng: Điểm a, d khoản 2 Điều 168; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, r, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 91; khoản 2 Điều 101; khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017).

Xử phạt: **Nguyễn Văn Thành Đ** 04 (bốn) năm tù về tội “*Cướp tài sản*”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt giam, ngày 16/5/2018.

Áp dụng: Điểm a, d khoản 2 Điều 168; điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 91; khoản 2 Điều 101; khoản 2 Điều 54 của Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017).

Xử phạt: **Nguyễn Lương B** 12 (mười hai) tháng tù về tội “*Cướp tài sản*”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt giam, ngày 16/5/2018.

3. Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Minh H1 và Trương Quốc H2, sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 87/2018/HS-ST ngày 30/11/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng đối với các bị cáo về phần hình phạt.

Áp dụng: Điểm a, d khoản 2 Điều 168; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, r, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 91; khoản 2 Điều 101; khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017).

Xử phạt: **Nguyễn Minh H1** 03 năm 06 tháng tù (Ba năm sáu tháng) về tội “*Cướp tài sản*”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt giam, ngày 16/5/2018.

Áp dụng: Điểm a, d khoản 2 Điều 168; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm r, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 91; khoản 2 Điều 101; khoản 1 Điều 54; Điều 56; Điều 104 của Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017).

Xử phạt: **Trương Quốc H2** 02 năm 06 tháng tù (Hai năm sáu tháng) về tội “*Cướp tài sản*”. Tổng hợp với hình phạt 18 (mười tám) tháng tù tại Bản án hình sự

sơ thẩm số 74/2018/HSST ngày 06/8/2018 của Tòa án nhân dân quận L2, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của cả 02 bản án là 04 (bốn) năm tù, được trừ đi 03 ngày đã bị tạm giữ của bản án trước (*từ ngày 24/3/2018 đến ngày 26/3/2018*). Thời hạn tù còn lại bị cáo phải chấp hành là **03 (ba) năm 11 (mười một) tháng 27 (hai mươi bảy)** ngày tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt giam, ngày 16/5/2018.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo và đại diện hợp pháp của các bị cáo Trần Thanh H, Nguyễn Văn Thành Đ, và Nguyễn Lương B phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Các bị cáo Trương Quốc H2 và Nguyễn Minh H1 và đại diện hợp pháp của các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

5. Các quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị; việc thi hành án được thi hành theo Bản án hình sự sơ thẩm 87/2018/HS-ST ngày 30/11/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao;
- Phòng HSNV- CATPĐN (PV27)
- PC 46 - CQCSĐT CA TP. Đà Nẵng;
- CQ CSTHAHS CA TP. Đà Nẵng;
- Cục THA dân sự TP Đà Nẵng;
- Sở Tư pháp TP Đà Nẵng;
- Trại giam Hoà Sơn;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, Phòng HCTP, Lưu trữ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Võ Ngọc Thông

